

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2023/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 10 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30*

*tháng 6 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 215/BC-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh) như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND như sau:

“1. Quy định tỉ lệ vốn đối ứng: Thực hiện bố trí ngân sách địa phương (nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh) giai đoạn 05 năm; hằng năm, ngân sách địa phương (nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh) bố trí đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Về cơ cấu nguồn vốn đối ứng, cơ chế tài chính đối với từng dự án, tiêu dự án thuộc Chương trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các bộ, ngành Trung ương”.

2. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các địa phương: Theo tiêu chí và hệ số cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng điểm</b>
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
3	Xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK	2	c	2 x c
4	Cứ 01% tỉ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,15	d	0,15 x d
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỉ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ vốn đầu tư cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)".

## **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND): Thực hiện từ kế hoạch năm 2024, sau khi phân bổ kinh phí cho các dự án chuyển tiếp để triển khai thực hiện theo đúng chu kỳ sản xuất đã được phê duyệt, số kế hoạch vốn còn lại mới thực hiện phân bổ cho các địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí sửa đổi.

2. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND): Thực hiện từ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**